

Họ và tên:



TRIỆU VÀ LỚP TRIỆU (tiếp theo)

Bài 1. Chọn đáp án đúng.

a. Trong số 298 615 703, chữ số 8 thuộc hàng nào và lớp nào?

- A. Hàng triệu, lớp đơn vị B. Hàng triệu, lớp triệu
C. Hàng nghìn, lớp đơn vị D. Hàng đơn vị, lớp triệu

b. Chữ số 8 trong số 258 330 231 có giá trị bằng:

- A. 800 000 B. 8000 C. 80 D. 8 000 000

c. Số gồm 7 trăm triệu, 6 chục nghìn, 6 trăm, 5 chục được viết là:

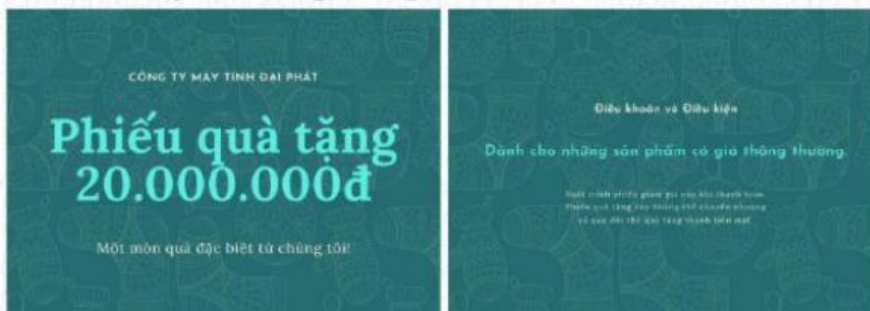
- A. 7665 B. 700 060 650 C. 7 060 650 D. 760 650

d. Số gồm năm trăm triệu, không trăm mười lăm nghìn, năm trăm được viết là:

- A. 500 051 500 B. 500 015 500
C. 500 015 050 D. 500 105 500



e. Phiếu quà tặng có giá trị bao nhiêu?



- A. Hai triệu đồng B. Hai trăm triệu đồng
C. Hai mươi triệu đồng D. Hai mươi nghìn đồng



g. Có bao nhiêu số tròn triệu có 7 chữ số và lớn hơn 5 000 000?

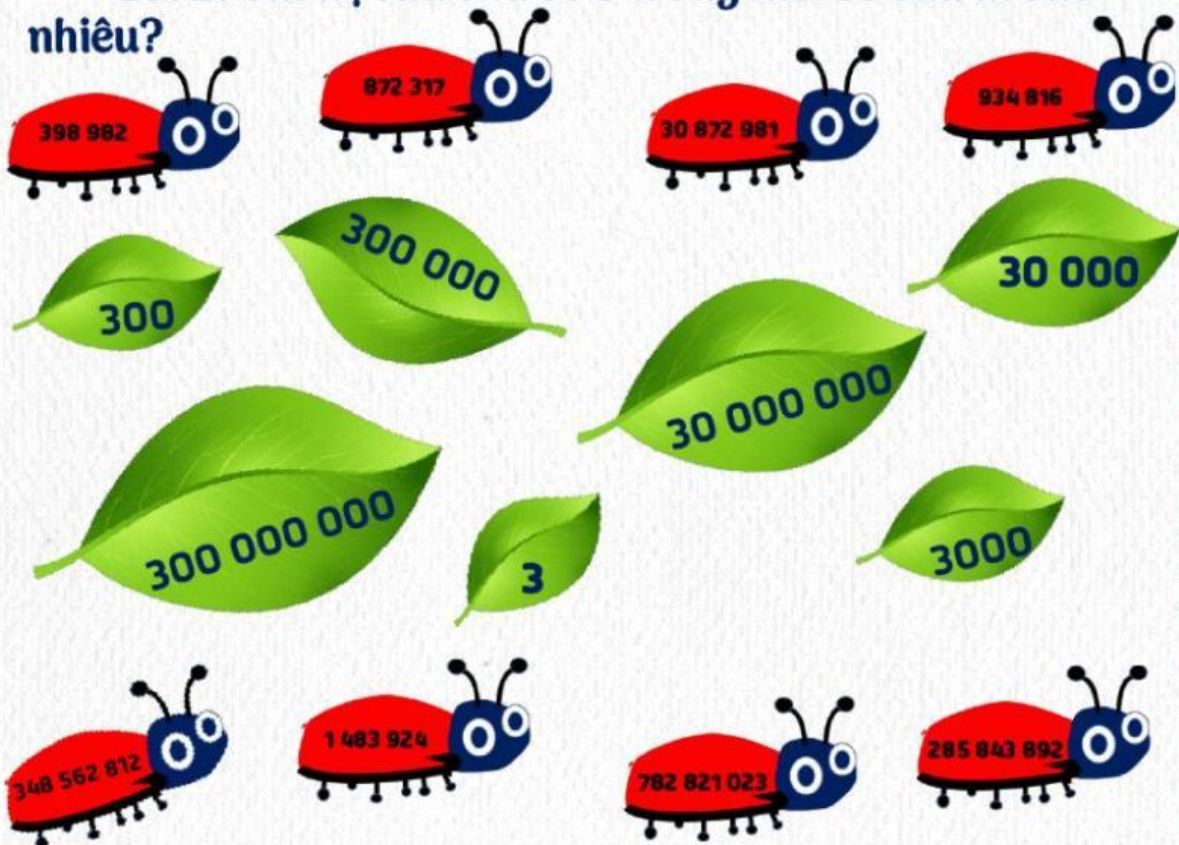
A. 5 số

B. 4 số

C. 3 số

D. 2 số

Bài 2. Giá trị của chữ số 3 trong mỗi số sau là bao nhiêu?



Bài 3: Viết các số sau:

a. Mười bốn triệu năm trăm sáu mươi tư nghìn bốn trăm bảy mươi hai:

b. Hai trăm mười sáu triệu không trăm bảy mươi nghìn tám trăm hai mươi chín:

c. Sáu triệu không nghìn bảy trăm ba mươi tám:

d. Năm trăm triệu không trăm tám mươi bảy nghìn một trăm mười một:

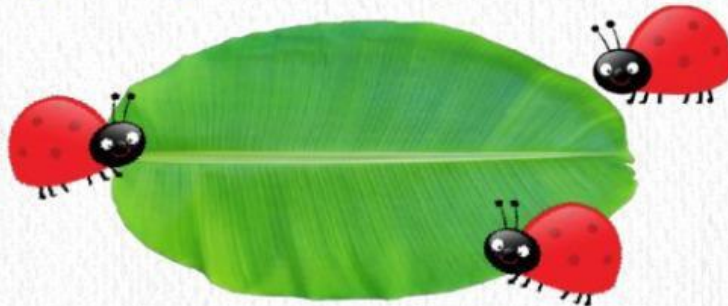
Bài 4: Viết số, biết số đó gồm:



a. 6 triệu, 8 trăm nghìn, 6 chục nghìn, 7 trăm, 3 chục, 5 đơn vị:



b. 9 chục triệu, 7 trăm nghìn, 8 nghìn, 3 trăm, 4 chục, 2 đơn vị:



c. 2 trăm triệu, 8 triệu, 6 trăm nghìn, 3 chục nghìn, 2 nghìn:



d. 9 trăm triệu, 5 trăm, 1 chục, 7 đơn vị:

